

Số: /TB-ĐHV

Nghệ An, ngày tháng 8 năm 2026

THÔNG BÁO
Về việc đăng ký xét tuyển đại học chính quy đợt 2 năm 2026
Trường Đại học Vinh

Căn cứ Thông tư số 06/2026/TT-BGDĐT ngày 15/02/2026 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tuyển sinh các ngành đào tạo trình độ đại học và ngành Giáo dục Mầm non trình độ cao đẳng; Thông báo số 3056/BGDĐT-GDĐH ngày 27/5/2026 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc thông báo số lượng chỉ tiêu các ngành đào tạo giáo viên năm 2026; Quyết định số 1273/QĐ-ĐHV ngày 29/4/2026 của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh ban hành Quy chế tuyển sinh đại học; Thông báo số 06/TB-ĐHV ngày 06/01/2026 của Trường Đại học Vinh về việc công bố Thông tin tuyển sinh đại học chính quy Trường Đại học Vinh năm 2026, Thông báo số 67/TB-ĐHV ngày 06/05/2026 của Trường Đại học Vinh về việc công bố Bản cập nhật Thông tin tuyển sinh đại học chính quy Trường Đại học Vinh năm 2026, Thông báo số 98/TB-ĐHV ngày 26/06/2026 của Trường Đại học Vinh về việc điều chỉnh Thông tin tuyển sinh đại học chính quy năm 2026,

Trường Đại học Vinh thông báo đăng ký xét tuyển đại học chính quy đợt 2 năm 2026 bằng các phương thức (mã phương thức): 100, 200 như sau:

1. Đối tượng, phạm vi tuyển sinh

- Thực hiện theo Thông báo số 06/TB-ĐHV ngày 06/01/2026 của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh.

Chi tiết tại: <https://vinhuni.edu.vn/thong-tin-tuyen-sinh-dai-hoc-chinh-quy-truong-dai-hoc-vinh-nam-2026-c06.01l0v0p0a151706.html>

- Thí sinh đã trúng tuyển và đã xác nhận nhập học trên hệ thống của Bộ Giáo dục và Đào tạo không được đăng ký xét tuyển đợt 2 năm 2026.

2. Chỉ tiêu tuyển sinh và ngưỡng bảo đảm chất lượng đầu vào

Chỉ tiêu tuyển sinh và ngưỡng bảo đảm chất lượng đầu vào đợt 2 năm 2026 có tại Phụ lục 1 (*chỉ tiêu tuyển sinh đợt 2 là dự kiến, chỉ tiêu chính thức sẽ được điều chỉnh sau khi thí sinh trúng tuyển nhập học đợt 1 kết thúc*).

3. Phương thức tuyển sinh

3.1. Phương thức 100: Xét tuyển theo kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2026

Ngưỡng bảo đảm chất lượng đầu vào từ điểm thi tốt nghiệp THPT được xác định theo từng ngành/chương trình đào tạo (chi tiết tại Phụ lục 1).

Thí sinh có tổng điểm của 03 môn thi hoặc bài thi theo tổ hợp xét tuyển (đã bao gồm điểm ưu tiên theo quy định, nếu có), đạt từ ngưỡng bảo đảm chất lượng đầu vào trở lên và không có môn thi nào có điểm từ 1,0 trở xuống thì đủ điều kiện đăng ký xét tuyển vào ngành/chương trình đào tạo tương ứng.

Điểm sàn được xác định trên cơ sở điểm các môn thi/bài thi không nhân hệ số, không sử dụng điểm miễn môn ngoại ngữ và không sử dụng điểm bảo lưu của các năm trước. Điểm xét tuyển được làm tròn đến hai chữ số thập phân.

Điểm xét tuyển = Điểm thi + Điểm ưu tiên (nếu có).

3.2. Phương thức 200: Xét kết quả học tập cấp THPT (kết quả học tập cả năm các lớp 10, 11, 12 theo tổ hợp môn để xét tuyển)

Nhà trường sử dụng phương thức xét kết quả học tập cấp THPT để xét tuyển các ngành ngoài sư phạm. Các tiêu chí khác về ngưỡng bảo đảm chất lượng đầu vào xét tuyển theo phương thức 200 thực hiện theo Thông báo số 98/TB-ĐHV ngày 26/6/2026 của Trường Đại học Vinh về việc điều chỉnh Thông tin tuyển sinh đại học chính quy Trường Đại học Vinh năm 2026.

Điểm xét tuyển = Điểm học tập + Điểm ưu tiên (nếu có).

Lưu ý:

- Điểm xét học tập cấp THPT (học bạ) được xác định bằng trung bình cộng điểm trung bình cả năm của ba môn thuộc tổ hợp xét tuyển ở các lớp 10, 11 và 12.

Ví dụ: Tổ hợp A00 (Toán, Vật lý, Hóa học)

$$\text{Điểm học tập/Điểm học bạ} = [(\text{Điểm cả năm lớp 10 của Toán} + \text{Vật lý} + \text{Hóa học}) + (\text{Điểm cả năm lớp 11 của Toán} + \text{Vật lý} + \text{Hóa học}) + (\text{Điểm cả năm lớp 12 của Toán} + \text{Vật lý} + \text{Hóa học})] \div 3.$$

4. Đăng ký nộp hồ sơ trực tuyến (online)

4.1. Thí sinh dùng số Định danh cá nhân (ĐDCN) hoặc Căn cước công dân (CCCD) để tạo tài khoản, kê khai thông tin cá nhân và scan định dạng *.pdf hoặc chụp ảnh định dạng file là ".png" hoặc ".jpg", ".jpeg". hồ sơ mỗi loại giấy tờ là bản chính hoặc bản sao công chứng dấu đỏ để cập nhật lên Hệ thống của Trường làm minh chứng xét tuyển, gồm:

1) Ảnh chụp/scan bản chính Giấy chứng nhận kết quả thi kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2026 (đối với thí sinh xét tuyển bằng kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2026);

2) Ảnh chụp/scan bản chính Giấy chứng nhận tốt nghiệp tạm thời (đối với thí sinh tốt nghiệp THPT năm 2026, bằng tốt nghiệp THPT cho thí sinh tốt nghiệp từ năm 2025 về trước);

3) Ảnh chụp/scan bản chính học bạ THPT đầy đủ tất cả các trang;

4) Ảnh chụp/scan bản chính các giấy tờ ưu tiên (nếu có);

5) Ảnh chụp/scan thẻ ĐDCN/CCCD còn hiệu lực;

4.2. Thí sinh tạo tài khoản và nộp hồ sơ đăng ký xét tuyển trên Công thông tin tuyển sinh của Trường Đại học Vinh tại địa chỉ:

<http://dangkyxettuyen.vinhuni.edu.vn>

- Thời gian nộp hồ sơ và lệ phí: Từ 8 giờ 00 ngày 22/8/2026 đến 17 giờ 00 ngày 01/9/2026.

- Lệ phí xét tuyển: 15.000 đồng/nguyên vọng, nộp bằng hình thức chuyển khoản qua Hệ thống nộp hồ sơ trực tuyến.

- Mỗi thí sinh được đăng ký tối đa 02 nguyện vọng để xét tuyển.

Lưu ý:

- Thí sinh đã trúng tuyển và đã xác nhận nhập học trên hệ thống của Bộ Giáo dục và Đào tạo có nguyện vọng xét tuyển đợt 2 cần liên hệ với Trường trúng tuyển để hủy xác nhận nhập học trước khi đăng ký xét tuyển đợt 2 năm 2026.

- Thí sinh được xác định là đăng ký thành công phải có đầy đủ hồ sơ hợp lệ, rõ ràng và hoàn thành việc nộp lệ phí xét tuyển; thí sinh nên sử dụng máy tính để bàn hoặc máy tính xách tay để đăng ký trực tuyến/online.

5. Thông tin hỗ trợ: Cán bộ hỗ trợ, tư vấn tuyển sinh vào đại học chính quy năm 2026 (số điện thoại có sử dụng số Zalo), chi tiết có tại:

<https://vinhuni.edu.vn/danh-sach-can-bo-tu-van-tuyen-sinh-dai-hoc-chinh-quy-truong-dai-hoc-vinh-nam-2026-c06.01l0v0p0a151707.html>

Thông tin liên hệ: Phòng Đào tạo, Trường Đại học Vinh; địa chỉ: Tầng 1, Nhà Điều hành, số 182 đường Lê Duẩn, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An; email: tuyensinh@vinhuni.edu.vn; điện thoại: 0238.898 8989 (giờ hành chính).

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Bộ GD&ĐT;
- Các Sở GD&ĐT;
- Các đơn vị liên quan;
- Lưu: HCTH, ĐT.

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

PGS.TS. Trần Bá Tiến

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC 1

**Ngưỡng bảo đảm chất lượng đầu vào và quy tắc quy đổi tương đương
để xét tuyển đại học chính quy đợt 2 năm 2026 (tính theo thang điểm 30)**

(Kèm theo Thông báo số: /TB-ĐHV, ngày tháng 8 năm 2026
của Trường Đại học Vinh)

TT	Mã ngành	Tên ngành/chương trình đào tạo	Tổ hợp gốc và chênh lệch điểm	Phương thức 100	Phương thức 200	Chỉ tiêu	Điều kiện phụ/ghi chú
1.	7140202	Giáo dục Tiểu học	D01 (gốc); C03 (+1,50)	24,55	-	6	
2.	7140205	Giáo dục Chính trị	X70 (gốc); X74 (0,00)	25,15	-	4	
3.	7140208	Giáo dục Quốc phòng - An ninh	X70 (gốc); X01 (0,00)	21,00	-	15	
4.	7140217	Sư phạm Ngữ văn	C00 (gốc); D14 (0,00)	25,85	-	10	
5.	7140231	Sư phạm Tiếng Anh	D01 (gốc); D14 (+0,25)	24,50	-	10	Tiếng Anh $\geq$ 6,50 điểm
6.	7140247	Sư phạm khoa học tự nhiên	A00 (gốc); B00 (+0,25)	24,50	-	10	
7.	7140249	Sư phạm Lịch sử - Địa lý	C00 (gốc); D14 (0,00)	25,35	-	10	
8.	7310104	Kinh tế đầu tư	A01 (gốc); C01 (+0,50)	18,00	21,00	10	
9.	7310110	Quản lý kinh tế	A01 (gốc); C01 (+0,50)	18,00	21,00	10	
10.	7340101TA	Quản trị kinh doanh (Chương trình tăng cường Tiếng Anh)	D01 (gốc); C01 (+0,50)	19,00	22,00	5	
11.	7380101	Luật	C00 (gốc); D01 (0,00)	20,00	23,00	15	Ngữ văn $\geq$ 6,00 điểm
12.	7380102	Luật hiến pháp và luật hành chính	C00 (gốc); X70 (0,00)	20,00	23,00	20	Ngữ văn $\geq$ 6,00 điểm
13.	7380103	Luật dân sự và tố tụng dân sự	C00 (gốc); D14 (0,00)	20,00	23,00	20	Ngữ văn $\geq$ 6,00 điểm
14.	7380107	Luật kinh tế	D01 (gốc); C03 (0,00)	20,00	23,00	15	Ngữ văn $\geq$ 6,00 điểm
15.	7420201	Công nghệ sinh học (Chuyên ngành: Kỹ thuật xét nghiệm y học; Kỹ thuật phân tích môi trường)	B00 (gốc); A00 (-0,25)	18,00	21,00	10	

TT	Mã ngành	Tên ngành/chương trình đào tạo	Tổ hợp gốc và chênh lệch điểm	Phương thức 100	Phương thức 200	Chỉ tiêu	Điều kiện phụ/ ghi chú
16.	7480101	Khoa học máy tính	X26 (gốc); A01 (-0,25)	19,00	22,00	20	
17.	7480201	Công nghệ thông tin	A00 (gốc); A01 (-1,00)	19,50	22,50	20	
18.	7480201CN	Công nghệ thông tin (Chuyên ngành Trí tuệ nhân tạo)	A00 (gốc); A01 (-1,00)	19,50	22,50	20	
19.	7540101	Công nghệ thực phẩm	A00 (gốc); B00 (+0,25)	17,00	20,00	15	
20.	7580101	Kiến trúc	D01 (gốc);	17,00	20,00	5	
21.	7580205	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	A01 (gốc); D01 (+0,50)	17,00	20,00	5	
22.	7620105	Chăn nuôi	B03 (gốc); C03 (0,00)	15,00	18,00	10	
23.	7620109	Nông học (Chuyên ngành Bảo vệ thực vật)	B03 (gốc); C03 (0,00)	15,00	18,00	10	
24.	7620110	Khoa học cây trồng	B03 (gốc); C03 (0,00)	15,00	18,00	10	
25.	7620301	Nuôi trồng thủy sản	C02 (gốc); D01 (0,00)	15,00	18,00	10	

Lưu ý:

TT 1: Ngành Giáo dục Tiểu học xét tuyển 2 tổ hợp: D01 (gốc), C03 (+1,50). Ngưỡng bảo đảm chất lượng đầu vào theo tổ hợp D01 (gốc) là 24,55 điểm thì tổ hợp C03 (+1,50) sẽ là 26,05 điểm.

TT 17: Ngành Công nghệ thông tin xét tuyển 2 tổ hợp: A00 (gốc), A01 (-1,00). Ngưỡng bảo đảm chất lượng đầu vào phương thức 100 theo tổ hợp A00 (gốc) là 19,50 điểm thì tổ hợp A01 (-1,00) sẽ là 18,50 điểm. Ngưỡng bảo đảm chất lượng đầu vào phương thức 200 theo tổ hợp A00 (gốc) là 22,50 điểm thì tổ hợp A01 (-1,00) sẽ là 21,50 điểm.

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỔ HỢP XÉT TUYỂN ĐẠI HỌC CHÍNH QUY ĐỢT 2 NĂM 2026

(Ban hành theo Thông báo số /TB-ĐHV, ngày /8/2026
của Trường Đại học Vinh)

Tổ hợp khối A	Môn thi/môn xét tuyển
A00	Toán, Vật lý, Hóa học
A01	Toán, Vật lý, Tiếng Anh
Tổ hợp khối B	
B00	Toán, Hóa học, Sinh học
B03	Toán, Sinh học, Ngữ văn
Tổ hợp khối C	
C00	Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý
C01	Ngữ văn, Toán, Vật lý
C02	Ngữ văn, Toán, Hóa học
C03	Ngữ văn, Toán, Lịch sử
C04	Ngữ văn, Toán, Địa lý
Tổ hợp khối D	
D01	Ngữ văn, Toán, tiếng Anh
D04	Ngữ văn, Toán, Tiếng Trung
D14	Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Anh
D15	Ngữ văn, Địa lý, Tiếng Anh
Tổ hợp khối X	
X01	Toán, Ngữ văn, Giáo dục Kinh tế và pháp luật
X26	Toán, Tiếng Anh, Tin học
X70	Ngữ văn, Lịch sử, Giáo dục Kinh tế và pháp luật
X74	Ngữ văn, Địa lý, Giáo dục Kinh tế và pháp luật
X78	Ngữ văn, Tiếng Anh, Giáo dục Kinh tế và pháp luật.